Mã mẫu: 0442/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/4

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Nước thải (QT-NT-01)
4. Vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng (Kinh độ: 107°08'3.8", vĩ độ: 10°34'42.4")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu trong, có màu, ít cặn
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không ☐ Có ☒ đến ngày: 09/7/2025
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,0)	Phương pháp thử
1	Nhiệt độ(b)	°C	27,8	40	SMEWW 2550.B: 2017
2	pH(b)	-	7,91	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	Độ màu(b)	Pt/Co	15,4	150	SMEWW 2120.C:2017
4	BOD_5 (20°C)(b)	mg/l	18	45	SMEWW 5210.B:2017
5	COD	mg/l	30	135	SMEWW 5220.C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng(b)	mg/l	6	90	SMEWW 2540.D:2017
7	Asen(b)	mg/l	0,0007	0,09	SMEWW 3114.C:2017
8	Thủy ngân(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,00013)	0,009	SMEWW 3112.B:2017
9	Chì(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,001)	0,45	SMEWW 3113.B:2017
10	Cadimi(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,0002)	0,09	SMEWW 3113.B:2017
11	Crom (VI)(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,003)	0,09	SMEWW 3500-Cr.B:2017
12	Crom (III)(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,003)	0,9	SMEWW 3113.B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017

Mã mẫu: 0442/DV/043/06-25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/6/2025
Trang: 2/4

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,0)	Phương pháp thử
13	Đồng(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1,8	US.EPA Method 200.7
14	Kẽm(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2,7	US.EPA Method 200.7
15	Niken(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,45	US.EPA Method 200.7
16	Mangan(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,9	US.EPA Method 200.7
17	Sắt(b)	mg/l	0,08	4,5	US.EPA Method 200.7
18	Tổng Xianua(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,001)	0,09	SMEWW 4500-CN^- .C&E:2017
19	Tổng phenol(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,002)	0,45	SMEWW 5530.B&C:2017
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/l	2,96	9	SMEWW 5520.B&F:2017
21	Sunfua(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,45	SMEWW 4500-S^{2-} .B&D:2017
22	Florua(b)	mg/l	1,77	9	SMEWW 4500.F^- .B&D:2017
23	Amoni (tính theo N)(b)		2,24	9	TCVN 6179-1:1996
24	Tổng Nito(b)	mg/l	6,70	36	TCVN 6638:2000
25	Tổng Photpho(b) (tính theo P)	mg/l	0,09	5,4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua(b)	mg/l	162,4	900	SMEWW 4500-Cl^-.B:2017
27	Clo dư(b)	mg/l	0,4	1,8	SMEWW 4500-Cl:2017
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ(b)	mg/l	KPH (LOD = 0,000002)	0,09	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8081B
29	Coliform(b)	MPN/ 100ml	17	5.000	SMEWW 9221.B:2017
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ(*)	mg/l	0,0029	0,9	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8141B
-	*Azinphos-methyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		

Mã mẫu: 0442/DV/043/06-25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/6/2025
Trang: 3/4

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,0)	Phương pháp thử
-	*Azinphos-ethyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Bromophos methyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Bromophos ethyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Chloropyriphos-methyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Chloropyriphos*	*mg/l*	*0,00012*		
-	*Clofenvinfos*	*mg/l*	*0,00048*		
-	*Dimethoate*	*mg/l*	*0,00056*		
-	*Diazinone*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Disulfoton*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Ethion*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Fenthion*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*Formothion*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,0001)*		
-	*Malathion*	*mg/l*	*0,00098*		
-	*Parathion methyl*	*mg/l*	*0,00076*		
-	*Parathion ethyl*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
31	Tổng PCB(*)	mg/l	KPH	0,009	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US.EPA Method 8270D
-	*PCB_{28}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*PCB_{52}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*PCB_{101}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		

Mã mẫu: 0442/DV/043/06-25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 24/6/2025
Trang: 4/4

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,0)	Phương pháp thử
-	*PCB_{118}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00021)*		
-	*PCB_{138}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*PCB_{153}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
-	*PCB_{180}*	*mg/l*	*KPH (LOD = 0,00005)*		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/l	KPH (LOD = 0,01)	0,1	TCVN 6053:2021
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/l	KPH (LOD = 0,3)	1,0	TCVN 6219:2021

Ghi chú:
- *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
- *Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;*
- *KPH: Không phát hiện;*
- *LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;*
- *(*): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ VIMCERTS 304;*
- *(b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.*

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Kỷ Văn Thành

Mã mẫu: 0443/DV/043/ 06-25	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/2

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Khí thải (QT-KT-01)
4. Vị trí lấy mẫu : Lò đốt chất thải nguy hại - ống khói lò rác công nghiệp số 1, công suất 500kg/h
   (Kinh độ: 107°08'2.9", vĩ độ: 10°34'43.9")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai thủy tinh có nắp đậy, dán kín
   Mẫu giấy bụi đựng trong đĩa petri, dán kín
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không [x] Có [ ] đến ngày:
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	Phương pháp thử
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm^3	30,1	100	US.EPA Method 5
2	HCl(b)	mg/Nm^3	4,25	50	US.EPA Method 26A
3	CO(b)	mg/Nm^3	20	250	SCEM_07(*)
4	SO_2(b)	mg/Nm^3	KPH (LOD = 2,6)	250	SCEM_05(*)
5	NO_x (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	86	500	SCEM_06(*)
6	Thuỷ ngân và hợp chất tính theo thuỷ ngân, Hg(b)	mg/Nm^3	0,034	0,2	US.EPA Method 29
7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd(b)	mg/Nm^3	0,08	0,16	TCVN 11311:2016
8	Chì và hợp chất tính theo Chì, Pb(b)	mg/Nm^3	0,51	1,2	TCVN 11311:2016

Mã mẫu: 0443/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	Phương pháp thử
9	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng[(b)]	mg/Nm^3	0,99	1,2	TCVN 11311:2016
10	Tổng Hydrocacbon[(**)]	mg/Nm^3	KPH (LOD = 0,1)	50	US EPA Method 18

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;
- (*): Phương pháp đo nhanh khí thải bằng máy đo Testo XL350 được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận (Vimcerts 252);
- (**): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ VIMCERTS 304;
- KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Ký Văn Thành

CỤC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM
VIMCERTS 252
VILAS 1285

Mã mẫu: 0444/DV/043/06-25	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/2

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Khí thải (QT-KT-02)
4. Vị trí lấy mẫu : Lò đốt chất thải nguy hại - ống khói lò rác công nghiệp số 2, công suất 500kg/h
   (Kinh độ: 107°08'2.8", vĩ độ: 10°34'43.7")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai thủy tinh có nắp đậy, dán kín
   Mẫu giấy bụi đựng trong đĩa petri, dán kín
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không [x] Có [ ] đến ngày:
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	Phương pháp thử
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm^3	29,5	100	US.EPA Method 5
2	HCl(b)	mg/Nm^3	10,6	50	US.EPA Method 26A
3	CO(b)	mg/Nm^3	10	250	SCEM_07(*)
4	SO_2(b)	mg/Nm^3	KPH (LOD = 2,6)	250	SCEM_05(*)
5	NO_x (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	100	500	SCEM_06(*)
6	Thuỷ ngân và hợp chất tính theo thuỷ ngân, Hg(b)	mg/Nm^3	0,026	0,2	US.EPA Method 29
7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd(b)	mg/Nm^3	KPH (LOD = 0,02)	0,16	TCVN 11311:2016
8	Chì và hợp chất tính theo Chì, Pb(b)	mg/Nm^3	0,62	1,2	TCVN 11311:2016

Mã mẫu: 0444/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 30:2012/ BTNMT Cột B	Phương pháp thử
9	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng[(b)]	mg/Nm^3	1,00	1,2	TCVN 11311:2016
10	Tổng Hydrocacbon[(**)]	mg/Nm^3	KPH (LOD = 0,1)	50	US EPA Method 18

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;
- (*): Phương pháp đo nhanh khí thải bằng máy đo Testo XL350 được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận (Vimcerts 252);
- (**): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ VIMCERTS 304;
- KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Ký Văn Thành

CỤC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM

VIMCERTS 252

VILAS 1265

Mã mẫu: 0445/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/1

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Khí thải (QT-KT-04)
4. Vị trí lấy mẫu : Hệ thống súc rửa bao bì, thùng phuy (Kinh độ: 107°07'59.6", vĩ độ: 10°34'44.9")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai thủy tinh có nắp đậy, dán kín
   Mẫu giấy bụi đựng trong đĩa petri, dán kín
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không [x] Có [ ] đến ngày:
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kv=1,0; Kp=0,9)	Phương pháp thử
1	Bụi tổng[(b)]	mg/Nm^3	5,45	180	US.EPA Method 5

Ghi chú:
- *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
- *Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;*
- *(b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.*

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Kỷ Văn Thành

CỤC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM
VIMCERTS 252
VILAS 1285

Mã mẫu: 0446/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/1

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Khí thải (QT-KT-05)
4. Vị trí lấy mẫu : Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang (Kinh độ: 107°07'59.4", vĩ độ: 10°34'45.0")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai thủy tinh có nắp đậy, dán kín
   Mẫu giấy bụi đựng trong đĩa petri, dán kín
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không [X] Có [ ] đến ngày:
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kv=1,0; Kp=0,9)	Phương pháp thử
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm^3	27,7	180	US.EPA Method 5

Ghi chú:
- *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
- *Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;*
- *(b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.*

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Kỷ Văn Thành

Trụ sở: 200, Lý Chính Thắng, P9, Q3, Tp.HCM | Tel: 02822530667 | Fax: 02822530667 | Email: quantracmiennam@gmail.com
PTN: Lô 19, Nguyễn Văn Cừ nối dài, Mỹ khánh, Phong Điền, Tp. Cần Thơ | Tel: 02923765687 | Fax: 02923765687 | Email: quantracmiennam@gmail.com

CỤC MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM
VIMCERTS 252
VILAS 1285

Mã mẫu: 0447/DV/043/ 06-25	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**	Ngày: 24/6/2025 Trang: 1/1

1. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIẾN**
2. Địa chỉ lấy mẫu : Khu Xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Loại mẫu : Khí thải (QT-KT-06)
4. Vị trí lấy mẫu : Hệ thống sơ chế, phá dỡ linh kiện điện tử (Kinh độ: 107°07'59.3", vĩ độ: 10°34'45.1")
5. Ngày quan trắc/đo đạc : 10/6/2025
6. Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong chai thủy tinh có nắp đậy, dán kín
   Mẫu giấy bụi đựng trong đĩa petri, dán kín
7. Ngày nhận mẫu : 10/6/2025
8. Lưu mẫu : Không [x] Có [ ] đến ngày:
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B (Kv=1,0; Kp=0,9)	Phương pháp thử
1	Bụi tổng[(b)]	mg/Nm^3	2,89	180	US.EPA Method 5

Ghi chú:
- *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;*
- *Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
- *Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;*
- *(b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.*

QA/QC	KT. TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÀNH	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Thị Phương Trăm	Diệp Anh Linh	Kỳ Văn Thành